

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/ 01/ 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hoàng;

- Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2017, về việc “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Diệu A, sinh năm 1979; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 13, khóm T, thị trấn N, huyện TB, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Anh Lương Trường G, sinh năm 1982; địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Diệu A có mặt tại phiên tòa; anh Lương Trường G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Diệu A trình bày: Chị A và anh G tự tìm hiểu, nên đến ngày 20/7/2005, chị A và anh G chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Ngày 19/01/2012, chị A phát hiện anh G quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị A đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh G vẫn không sửa đổi. Do đó chị yêu cầu ly hôn với anh G.

Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Diệu A và anh Lương Trường G có 01 con chung tên Lương Thị Huyền K, sinh ngày 17/12/2006. Hiện đang sống với chị A. Chị A yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Lương Trường G lên lấy lời khai, hòa giải về con chung, cũng như xét xử vụ án. Nhưng anh Lương Trường G không đến, do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh Lương Trường G theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Diệu A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lương Trường G. Đồng thời, anh Lương Trường G cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Lương Trường G đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp P, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ hai lần, nhưng anh G vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Diệu A trình bày chị và anh Lương Trường G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Diệu A và anh Lương Trường G là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, chị Nguyễn Diệu A có yêu cầu nuôi dạy con chung tên Lương Thị Huyền K, sinh ngày 17/12/2006, yêu cầu nuôi dạy con chung của chị A phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cháu K theo bản tự khai ngày 31/8/2017. Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi cháu K của chị A. Đồng thời chị A không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi dạy con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Diệu A cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lương Trường G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Diệu A khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí, chị Nguyễn Diệu A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Lương Trường G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Diệu A và anh Lương Trường G là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Diệu A được tiếp tục nuôi dạy con chung Lương Thị Huyền K, sinh ngày 17/12/2006. Anh Lương Trường G không phải cấp dưỡng cho chị A nuôi dạy con chung.

Chị Nguyễn Diệu A cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lương Trường G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ, cá nhân, tổ chức, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Diệu A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng mà chị G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên theo biên lai thu số TU/2015/0015754 ngày 14 tháng 7 năm 2017 thành án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Lương Trường G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Diệu A có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Lương Trường G là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Tòng